

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG BÀN MÔN QUA TƯ LIỆU HÁN NÔM

Mai Văn Được^{1*}, Quán Bá Chính²

¹ Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Trường Du lịch, Đại học Huế

*Email: maiduoc@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/11/2024; ngày hoàn thành phản biện: 3/12/2024; ngày duyệt đăng: 20/3/2025

TÓM TẮT

Làng Bàn Môn là một làng lớn nằm bên sông Truồi, thuộc xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Làng được hình thành vào khoảng nửa sau thế kỷ XVI bởi công lao “Bốn thổ Tiên Khai canh” của hai ngài Trần Đại lang và Hoàng Đại lang. Tiếp đó, các họ Cao, Trương, Lê, Lê Kim, Trần Bức, Nguyễn Bức, Bùi... đến sinh sống và cùng góp sức vào sự phát triển chung của làng. Ngôi làng này lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa. Đặc biệt, có khoảng hơn 3.700 trang tư liệu thư tịch Hán Nôm được bảo quản tại đình làng và các dòng họ. Bài viết thông qua hệ thống tư liệu Hán Nôm mà chủ yếu là tư liệu thư tịch phân tích quá trình hình thành và phát triển của làng Bàn Môn. Qua đó, góp phần làm rõ hơn lịch sử và văn hóa của ngôi làng này.

Từ khóa: Hình thành, làng Bàn Môn, tư liệu Hán Nôm.

1. MỞ ĐẦU

Nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của một làng là làm rõ lịch sử ra đời, phát triển của ngôi làng đó. Đây là một việc làm cần thiết, không chỉ nhận được sự quan tâm của người dân địa phương mà còn nằm trong nỗ lực của chính quyền nhằm phát huy văn hóa cơ sở, quan tâm, chú trọng việc xây dựng lịch sử làng thông qua việc biên soạn địa chí làng¹.

Lâu nay, khi nghiên cứu về lịch sử Việt Nam thời trung đại, nhiều nhà nghiên cứu thường quan tâm đến các sử liệu quan phương, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại*

¹ Kết luận số 552-TB/TU, ngày 11-12-2023 của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế tại buổi làm việc với các địa phương, đơn vị về xây dựng lịch sử làng thông qua việc biên soạn địa chí làng đã nêu rõ vấn đề này.

Việt sử ký tiền biên, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục, Đại Nam nhất thống chí... Gần đây, xu hướng sử dụng sử liệu địa phương, đặc biệt là tư liệu Hán Nôm trong nghiên cứu lịch sử được chú trọng. Ở Thừa Thiên Huế có một số chương trình sưu tầm, số hóa tư liệu Hán Nôm; trên cơ sở đó, nhiều công trình khoa học được công bố. Từ năm 2007 đến năm 2012, Chương trình hợp tác khoa học giữa Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Viện Nghiên cứu Tương tác Văn hóa, Đại học Kansai (Nhật Bản) có nhiều đợt điền dã, số hóa tư liệu tại các làng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhiều tác giả tham gia chương trình này đã có những công trình xuất bản¹. Trong khuôn khổ Chương trình Sưu tầm, số hóa tài liệu Hán Nôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế do Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp cùng Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh triển khai giai đoạn 2009 - 2020 và thực hiện *Kế hoạch Sưu tầm, số hóa, bảo quản, phục hồi và phát huy giá trị tài liệu Hán Nôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024*, nhóm nghiên cứu đã số hóa hơn 420.000 trang tư liệu Hán Nôm; đồng thời xuất bản các công trình: *Thư mục đề yếu sắc phong triều Nguyễn ở Thừa Thiên Huế, Sắc phong, chế phong, chiếu thời Nguyễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Bảng cấp quan chức triều Nguyễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Văn thư - Đơn từ Hán Nôm các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế...* [10, tr. 7-8]. Trong xu hướng đó, bài viết thông qua việc phân tích tư liệu Hán Nôm làm rõ quá trình tụ cư, khai phá hình thành nên làng Bàn Môn, sự phát triển về mặt ruộng đất, cư dân và kinh tế, văn hóa ở ngôi làng này.

2. NỘI DUNG

2.1. Hiện trạng tư liệu Hán Nôm làng Bàn Môn

Bàn Môn là một làng giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, lưu giữ được nhiều tư liệu Hán Nôm khác nhau. Trong chuyến điền dã vào tháng 6 - 2022, chúng tôi được các bác ở làng Bàn Môn tạo điều kiện tiếp cận phần lớn tư liệu Hán Nôm của làng. Qua khảo sát, hiện nay làng Bàn Môn còn lưu giữ được tư liệu thư tịch (sắc phong, sắc bằng, công đồng truyền, trát, chiếu, chế phong, văn tế, gia phả, văn khế...) và văn khắc (hoành phi, câu đối, văn bia, văn chuông...). Trong đó, tư liệu thư tịch có số lượng nhiều hơn cả, được lưu giữ tại đình làng và các dòng họ: Đình làng có 34 tài liệu, họ

¹ Có thể kể đến: Nguyễn Quang Trung Tiến, Nishimura Masanari (Chủ biên) (2010). *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Nxb Thuận Hóa, Huế; Motohiro Chihiro (2014). "Những làng xã quản lý mặt nước vùng phá Tam Giang: Thừa Thiên Huế - Huế thế kỷ XIX - XX", *Hiroshima Journal of Asian Researches*, Vol. 19, tr. 1-23; Ueda Shinya (2015). "Village Communities and Local Documents in Vietnam", *Historical Journal*, Vol. 783, tr. 37-47; Ueda Shinya (2021). "Sự hình thành không gian truyền thống dân tộc Kinh ở làng Thanh Phước, tỉnh Thừa Thiên Huế qua việc phân tích tài liệu làng xã", *Nghiên cứu Huế*, Tập 9, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 185-213...

Trần Hữu 24 tài liệu, họ Hoàng 90 tài liệu, họ Cao 10 tài liệu, họ Trương 12 tài liệu, họ Lê Kim 15 tài liệu, họ Lê 3 tài liệu với khoảng 3.700 trang.

Trong bài viết này, tư liệu được sử dụng chủ yếu là thư tịch thu thập được ở làng Bàn Môn. Phần lớn các tư liệu đều không có tiêu đề, không có cơ quan bảo quản, không được đánh số ký hiệu. Để tiện cho quá trình nghiên cứu, trong quá trình số hóa chúng tôi đã đặt ra quy ước riêng. Những tư liệu chụp ở đình làng Bàn Môn được ký hiệu [Đình làng Bàn Môn...], các tư liệu chụp ở nhà thờ các dòng họ có ký hiệu [Tên dòng họ (Bàn Môn)...].

2.2. Quá trình khai phá hình thành và mở rộng làng Bàn Môn

Vào năm 1306, vua Champa là Chế Mân hỏi cưới công chúa Huyền Trân nhà Trần và lấy hai châu Ô, Lý làm sính lễ. Năm sau - 1307, vua Trần sai Đoàn Nhữ Hài vào trấn giữ và đổi tên thành châu Thuận, châu Hóa. Từ đây, các triều đại phong kiến Việt Nam đưa dân vào khai phá vùng đất Thuận Hóa. Sang thế kỷ XV, triều Lê sơ có chính sách khai hoang, lập đồn điền và khuyến khích người dân di cư vào vùng Thuận Hoá để lập làng nên các cư dân ở phía Bắc vào Thuận Hoá rất đông đảo. Tuy vậy, cho đến giữa thế kỷ XVI, vùng đất ngày nay là huyện Phú Lộc chưa được khai phá nhiều, chỉ có các làng Minh Nông (An Nông), Duy Sơn (La Sơn), Cao Đồi, Diêm Trường, Phụng Chánh, Vinh Hoài, Đông Dương, Tân Chu (Nghị Giang) [1, tr. 64-65].

Năm 1558, chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng Thuận Hoá, mở đầu công cuộc xây dựng Đàng Trong. Các cư dân theo đó cũng vào khai phá lập nên nhiều làng mới ở Thừa Thiên Huế. Năm 1669, chúa Nguyễn Phúc Tần nghe theo lời khuyên của Ký lục Võ Phi Thừa đã tiến hành đo đạc ruộng đất và cho phép *“người khai khẩn rừng hoang mà cày thành ruộng thì cho trưng làm ruộng tư [bản bức tư điền] cho cày mãi mà nộp thuế riêng, xã dân không được tranh chiếm”* [7, tr. 82]. Chính chính sách này có tác dụng thúc đẩy mạnh quá trình di dân đến khai phá vùng đất mới, đặc biệt là các vùng ven đầm phá, ven biển, gần rừng núi. Trong bối cảnh đó, làng Bàn Môn được hình thành và khai phá tương đối nhanh.

Làng Bàn Môn được hình thành khoảng nửa sau thế kỷ XVI. Hai vị có công đầu trong việc lập làng là Trần Quý công và Hoàng Quý công. Ghi nhận công lao của hai vị có công đầu lập làng, triều Nguyễn đã ban tặng sắc phong cho hai vị này. Vào năm Duy Tân thứ 7 (1913), triều đình ban tặng cho ngài họ Trần là “Bổn thổ Tiền Khai canh Trần Đại lang chi thần”, mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần”; ngài họ Hoàng là “Bổn thổ Tiền Khai canh Hoàng Đại lang chi thần”, mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần”. Đến năm Khải Định thứ 9 (1924), triều Nguyễn ban sắc phong cho cả hai ngài và gia tặng mỹ tự “Đoan Túc tôn thần”.

*** Sắc phong ban cho ngài Trần Đại lang**



Sắc phong ban cho ngài Trần Đại lang năm Duy Tân 7 (1913). Nguồn: Mai Văn Đurợc.

Tạm dịch:

Sắc cho xã (làng) Bàn Môn, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên thờ phụng Bốn thổ Tiền Khai canh Trần Đại lang chi thần, linh ứng rõ rệt đã lâu, từ trước đến nay chưa được phong. Nay Trẫm thừa mệnh lớn, nhớ đến công on của thần, phong là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần. Chuẩn cho thờ phụng như cũ, thần hãy tương trợ che chở cho dân ta.

Kính đấy!

Ngày mồng 8 tháng Mười năm Duy Tân 7 (1913).



Sắc phong ban cho ngài Trần Đại lang năm Khải Định 9 (1924). Nguồn: Mai Văn Đurợc.

Tạm dịch:

Sắc cho xã (làng) Bàn Môn, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên trước đây thờ phụng thần vốn được tặng là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Bồn thổ Tiền Khai canh Trần Đại lang tôn thần, giữ nước giúp dân, linh ứng rõ rệt đã lâu, đã được ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Nay đúng dịp Tứ tuần đại khánh của Trẫm, ban bố bảo chiếu, ra ân rộng rãi, lễ nghi long trọng nên tăng phẩm trật, gia tặng Đoan Túc tôn thần. Đặc chuẩn cho thờ phụng, để tỏ rõ ngày mừng của nước và phép tắc thờ tự.

Kính đấy!

Ngày 25 tháng Bảy năm Khải Định 9 (1924).

*** Sắc phong ban cho ngài Hoàng Đại lang**



Sắc phong ban cho ngài Hoàng Đại lang năm Duy Tân 7 (1913). Nguồn: Mai Văn Được.

Tạm dịch:

Sắc cho xã (làng) Bàn Môn, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên thờ phụng Bồn thổ Tiền Khai canh Hoàng Đại lang chi thần, linh ứng rõ rệt đã lâu, từ trước đến nay chưa được phong. Nay Trẫm thừa mệnh lớn, nhớ đến công ơn của thần, phong là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần. Chuẩn cho thờ phụng như cũ, thần hãy tương trợ che chở cho dân ta.

Kính đấy!

Ngày mồng 8 tháng Mười năm Duy Tân 7 (1913).



Sắc phong ban cho ngài Hoàng Đại lang năm Khải Định 9 (1924). Nguồn: Mai Văn Đức.

Tạm dịch:

Sắc cho xã (làng) Bàn Môn, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên trước đây thờ phụng thần vốn được tặng là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Bồn thổ Tiên Khai canh Hoàng Đại lang tôn thần, giữ nước giúp dân, linh ứng rõ rệt đã lâu, đã được ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Nay đúng dịp Tứ tuần đại khánh của Trẫm, ban bố bảo chiếu, ra ân rộng rãi, lễ nghi long trọng nên tăng phẩm trật, gia tặng Đoàn Túc tôn thần. Đặc chuẩn cho thờ phụng, để tỏ rõ ngày mừng của nước và phép tắc thờ tự.

Kính đấy!

Ngày 25 tháng Bảy năm Khải Định 9 (1924).

Dưới thời Nguyễn, triều đình ban tặng sắc phong cho nhiều nhân thần có công trong việc khai phá làng xã. Các làng xã vùng đất Thừa Thiên Huế được hình thành từ quá trình tự cư, khai phá của các di dân, lại là nơi đóng đô của nhà Nguyễn nên việc ban cấp sắc phong này càng được chú trọng, diễn ra suốt từ thời Thành Thái (1889 - 1907) đến thời Bảo Đại (1926 - 1945)¹. Trong số các sắc phong cho các vị có công khai phá, lập làng ở Thừa Thiên Huế, có nhiều danh xưng thần hiệu khác nhau được ban tặng, như “Tiên Khai canh”, “Khai canh”, “Hậu Khai canh”, “Á Khai canh”, “Bồn thổ Tiên Khai canh”, “Bồn thổ Khai canh”, “Khai cơ”, “Khai thác”, “Tiên Khai khẩn”, “Khai khẩn”, “Hậu Khai khẩn”, “Á khai khẩn”, “Bồn thổ Khai khẩn”... Đối với làng Bàn Môn, triều Nguyễn chỉ ban tặng sắc phong “Bồn thổ Tiên Khai canh” cho hai ngài Trần Đại lang và Hoàng Đại lang. Điều này cho thấy làng Bàn Môn chỉ tôn vinh “Tiên Khai

¹ Dưới triều Nguyễn, việc ban sắc phong cho các vị thần (nhiên thần, thiên thần, nhân thần) bắt đầu từ thời Gia Long (1802-1820). Nhưng việc ban sắc phong cho các vị nhân thần có công trong việc khai phá làng xã phải đến thời Thành Thái mới được bắt đầu.

canh” mà không có “Khai canh”, “Khai khẩn”. Qua đây, có thể khẳng định vai trò quan trọng của họ Trần và họ Hoàng trong quá trình khai phá, lập nên làng Bàn Môn.

Tiếp sau hai họ Trần, Hoàng là các họ Cao, Trương, Lê, Lê Kim, Trần Bức, Nguyễn Bức, Bùi... cùng chọn vùng đất Bàn Môn làm nơi định cư, lập nghiệp. Theo tài liệu *Cao phái húy phổ* chép năm Duy Tân 3 (1909), họ Cao từ ngài Cao tổ khảo Cao Văn Tuất đến thời điểm biên soạn gia phả là 7 đời [2]. Như vậy, theo phương pháp dân tộc học mỗi đời khoảng 25 - 30 năm thì họ Cao đến sinh cơ lập nghiệp tại làng Bàn Môn vào khoảng đầu thế kỷ XVIII. Gia phả *Đệ Nhất chi mục lục* của họ Trương biên soạn năm Bảo Đại 13 (1939), chép từ ngài Cao tổ khảo Trương Văn Lễ (đời thứ 5 của họ Trương) đến 5 đời sau [4]; vậy, cho đến năm 1939, họ Trương đã trải qua 9 đời. Qua đó, phỏng đoán họ Trương đến làng Bàn Môn vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, trong cùng khoảng thời gian với họ Cao.

Đầu thế kỷ XIX, làng Bàn Môn có sự mở rộng đất đai do cư dân lân cận mang đất xin gia nhập vào làng. Bản *Phổ chí phái Nhì họ Lê Kim* chép ông Lê Văn Du (đời thứ 2 họ Lê Kim) “trong niên hiệu Gia Long sửa đổi địa bộ, ông cùng ông cháu là ông Lê Văn Lục đem ruộng đất bốn bức¹ nhập địa bộ Bàn Môn” [6]. Đến thời Minh Mạng (1820 - 1840), làng Bàn Môn tiếp tục mở rộng diện tích đáng kể qua việc sáp nhập làng Lê Xá. Sự kiện này được *Phổ chí phái nhì họ Lê Kim* chép như sau: “ông Lê Văn Huân đời thứ bốn trong niên hiệu Minh Mạng ông cùng ông trong xóm đem dân trong bức nhập tịch làng Bàn Môn, chịu tô thuế, cải Lê Xá làm Đông giáp” [6]. Trong đợt sáp nhập này bên cạnh họ Lê Kim còn có họ Lê. Theo gia phả họ Lê cho biết, ngài Lê Ngọc Bôi có gốc từ làng La Khê (Thanh Oai, Hà Nội) vào khai phá, góp phần quan trọng lập nên làng La Khê (phường Hương Vinh, thành phố Huế); đến đời thứ 8, ngài Lê Văn Hộ đến khai hoang, lập ấp ở Lê Xá [5]. Như vậy, đến thời Minh Mạng, làng Bàn Môn có sáu giáp: giáp Đông, giáp Nam, giáp Bắc Trung, giáp Bắc Thượng, giáp Tây A và giáp Tây B. Sáu giáp này được duy trì, phát triển cho đến ngày nay.

2.3. Sự phát triển kinh tế và văn hóa

Làng Bàn Môn là một làng thuần nông, ruộng đất là tài sản đặc biệt của người dân nơi đây. Theo địa bạ thời Gia Long (1802 - 1820), làng Bàn Môn có các loại ruộng đất sau: công điền 41 mẫu, 6 sào, 13 thước, 2 tấc; quan điền tam bảo 1 mẫu, 7 sào; tư điền 192 mẫu, 2 sào, 11 thước, 2 tấc, 8 phân; tư điền của người nơi khác 5 mẫu, 4 sào, 11 thước, 5 tấc; công thổ 2 mẫu 6 sào; quan thổ tam bảo 3 sào; tư thổ 60 mẫu, 2 sào, 13 thước, 3 tấc; ngoài ra còn có một số đất mộ địa, rừng, hoang nhàn, thổ phụ, cát trắng không canh tác được [3, tr. 229]. Với số lượng ruộng đất này, làng Bàn Môn được xếp vào hạng những làng có nhiều ruộng đất của Thừa Thiên Huế hồi đầu thế kỷ XIX.

¹ Bức là đơn vị tổ chức làng xã theo địa vực cư trú tương đương với xóm.

Ruộng đất công là sở hữu của nhà nước, do làng xã quản lý và phân chia cho xã dân cày cấy, sản xuất. Ruộng đất công của làng Bàn Môn cũng theo quy định chung của nhà nước mà phân chia cho người dân. Dưới triều Nguyễn, phần lớn các tỉnh đều có ruộng đất công ít hơn ruộng đất tư nhưng phủ Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị có ruộng đất công nhiều hơn ruộng đất tư [9, tr. 31]. Tuy nhiên, điểm khác biệt là làng Bàn Môn có ruộng tư nhiều hơn ruộng công. Đặc biệt, các dòng họ ở làng Bàn Môn đều sở hữu nhiều ruộng đất. Họ Trần và họ Hoàng là hai dòng họ có nhiều ruộng đất nhất của làng Bàn Môn. Trong số 24 tài liệu Hán Nôm còn lưu giữ của họ Trần thì có đến một nửa là các tài liệu liên quan đến ruộng đất của dòng họ này, như bản kê khai ruộng đất của họ Trần năm Thái Đức 9 (1786), thực điền và ruộng hương hỏa năm Minh Mạng 12 (1831), văn khế mua bán ruộng đất, văn bản của bộ Hộ về ruộng đất của họ Trần... các năm Thành Thái 8 (1896), Thành Thái 17 (1905), Thành Thái 18 (1906), Duy Tân 2 (1908)... Họ Hoàng có đến 18/90 tài liệu ghi chép về ruộng đất của dòng họ này vào các năm Gia Long 9 (1810), Minh Mạng 8 (1827), Tự Đức 3 (1850), Tự Đức 4 (1851), Tự Đức 5 (1852), Tự Đức 7 (1854), Thành Thái 12 (1900), Khải Định 4 (1919)... Ngoài ra, các dòng họ khác cũng sở hữu nhiều ruộng đất. Theo tài liệu *Trường biên điền thổ bốn tộc* của họ Trương viết năm Tự Đức 25 (1872), dòng họ này có 6 sở ruộng và 6 sở đất [11].

Các lớp cư dân Bàn Môn dựa vào nghề nông để mưu sinh, do đó họ rất chú trọng công tác trị thủy để đảm bảo vụ mùa tươi tốt. Trong công cuộc trị thủy ở đây nổi lên vai trò của Dinh điền sứ Trần Đình Túc và Suất đội Lê Văn Đông. Hai ông đã cùng dân làng Bàn Môn đắp thành công đập Truồi, giúp người nông dân chủ động trong việc ngăn mặn, giữ ngọt, cung cấp nước tưới cho mùa vụ. Ông Lê Văn Đông sinh ngày 23 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1802), tự Thượng Nghĩa, thụy Hồng Kinh, người làng Bàn Môn. Theo *Phổ chí phái nhĩ họ Lê Kim*, năm 1832, ông làm ở doanh Thần Cơ; năm 1851, được cấp bằng Đội trưởng, về hưu năm 1855. Đến năm Tự Đức thứ 16 (1863), ông theo Dinh điền sứ Trần Đình Túc. Ông xuất tài lực đắp đê Hưng Bình (đập Truồi) để ngăn nước mặn, lấy nước ngọt vào ruộng. Dân hai tổng An Nông và Lương Điền đều nhờ đê Hưng Bình mà sản xuất lúa hai vụ. Năm 1879, ông mất [6]. Đến năm Thành Thái thứ 2 (1890), triều đình thấy ông có công lao nên truy thụ Tinh binh Suất đội, lệnh cho làng Bàn Môn thờ ông tại đình. Năm Duy Tân thứ 7 (1913), triều Nguyễn ban sắc phong cho ông là “Hưng Bình giang đê Vệ nông Suất đội Lê phủ quân”, mỹ tự là “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần”. Năm Khải Định thứ 9 (1924), triều Nguyễn gia tặng thêm mỹ tự “Đoan Túc tôn thần”.

Cũng giống với nhiều làng xã ở Thừa Thiên Huế, làng Bàn Môn có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ đa thần. Các dòng họ đều xây dựng từ đường khang trang với kiến trúc nhà rường đặc trưng của Huế để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Hầu hết các dòng họ ở Bàn Môn đều giữ được nét cổ kính của từ đường cùng các hoành phi, câu đối Hán

- Nôm, chuông cổ¹. Trong các dịp cúng kỵ, các dòng họ đều dùng văn tế. Hiện nay, nhiều bản văn tế xưa còn được lưu giữ, như họ Trần Hữu có bản Văn tế năm Bảo Đại 17 (1942); họ Hoàng có *Lạc thành tập văn* năm Khải Định 3 (1918); họ Trương có *Văn tế năm Bảo Đại 8* (1933), *Hợp tế văn*, *Âm hồn văn* (Văn tế cô hồn), *Hiệp kỵ văn* (Văn tế hiệp kỵ), *Khánh thành tập* (Văn tế lễ khánh thành từ đường), *Tạ thổ văn* (Văn tế tạ thổ thần); họ Lê Kim có *Hợp tế văn* (văn tế trong dịp hiệp tế 3 năm 1 lần), *Tảo mộ văn* (Văn tế tảo mộ), *Văn chạp* (Văn tế chạp họ), *Đông chí văn* (Văn tế Đông chí).

Làng Bàn Môn thờ cúng các vị thần: Cao Các Quảng Độ thượng đẳng thần, Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, Kỳ Mùi Khoa Tiến Sĩ Phi Vận Tướng Quân Tùng Giang Văn Trung trung đẳng thần, Thổ Đức thượng đẳng thần, Hoả Đức trung đẳng thần, Quan Thánh Đế Quân, Bốn thổ Tiền Khai canh Trần Đại lang, Bốn thổ Tiền Khai canh Hoàng Đại lang, Tham Tri sung Sư Bảo Hoàng Quý công (Hoàng Văn Diễn), Hưng Bình giang đề Vệ nông Suất đội Lê phủ quân (Lê Văn Đồng). Các vị thần này đều được triều Nguyễn ban tặng sắc phong, chuẩn cho thờ phụng.

Người dân làng Bàn Môn có truyền thống hiếu học. Học tập là con đường vươn lên của lớp cư dân nơi đây. Nhiều người có học hành, đỗ đạt và làm quan dưới triều Nguyễn, như Hoàng Văn Diễn (làm đến Thượng thư bộ Lại), Hoàng Đức Hình (đỗ Cử nhân), Hoàng Văn Triệt (Viên ngoại lang phủ Tôn Nhân), Hoàng Văn Bình (Tinh binh Suất đội), Trần Hữu Hiệu (Tú tài), Trần Hữu Tuấn (Tú tài), Lê Văn Đồng (Hưng Bình giang Đề vệ nông Suất đội), Lê Thanh Đàm (đỗ Cử nhân khoa Kỷ Dậu năm Duy Tân thứ 3 (1909) làm đến Tri huyện)... Trong đó, Hoàng Văn Diễn là nhân vật tiêu biểu. Dưới thời Tây Sơn, Hoàng Văn Diễn ở ẩn và làm nghề dạy học. Năm 1796, ông thi đỗ văn học ở Gia Định do chúa Nguyễn Phúc Ánh tổ chức, được bổ làm ở Thị Thư viện. Dưới thời Gia Long và Minh Mạng, ông trải qua nhiều chức vụ khác nhau, làm Ký lục dinh Quảng Nam, Cai bạ dinh Bình Định, Tả Tham tri bộ Hộ kiêm Nội Đồ gia, Hiệp trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Hữu Tham tri bộ Hộ lãnh Hộ tào Bắc Thành, Hiệp trấn Thanh Hóa, Hàn Lâm viện Tu soạn, Tả Thị lang bộ Hình, lãnh Binh tào thành Gia Định, thự Tham tri bộ Binh, Hiệp trấn Quảng Trị, Thượng thư bộ Lại, Sư Bào dạy các hoàng tử còn bé... Năm 1841, ông lấy có tuổi già xin về hưu. Dưới thời vua Thiệu Trị và Tự Đức, ông nhiều lần được ban thưởng bạc, lụa. Đặc biệt, vua Tự Đức ban 8 mẫu ruộng để làm thể nghiệp và 100 quan tiền sửa nhà cho ông. Hoàng Văn Diễn mất vào năm 1854 [8, tr. 233-234.]. Sau khi mất, ông được thờ ở đình làng. Năm Khải Định 2 (1917), triều Nguyễn đã ban sắc phong ông là “Tham tri sung Sư Bảo Hoàng Quý công chi thần”, mỹ tự “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò chi thần”. Đến năm Khải Định 9 (1924), triều đình ban sắc phong gia tặng “Đoan Túc tôn thần”. Truyền thống hiếu học của người dân làng Bàn Môn tiếp tục được phát huy dưới thời cận hiện đại. Với truyền thống đó,

¹ Chuông họ Lê Kim đúc năm Thành Thái 6 (1894), chuông họ Trương đúc năm Ất Mùi (1895), chuông họ Cao mua lại của họ Lê Chí, đúc năm Giáp Thìn (1844/1904).

Bàn Môn sớm trở thành nơi tiếp thu các luồng tư tưởng tiến bộ vào đầu thế kỷ XX, nơi ra đời sớm Chi bộ Đảng Cộng sản ở Thừa Thiên Huế (1930) và sản sinh nhiều người ưu tú, như Đại tướng Lê Đức Anh (Chủ tịch nước), Lê Bá Dị (Tỉnh ủy viên, Bí thư Chi bộ Phú Lộc - Phú Vang, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phú Lộc), Hoàng Đức Trạch (Phó Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thừa Thiên), Nguyễn Sơn (Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên), Lê Thúc Khánh (Chủ tịch Ủy ban Hành chính huyện Phú Lộc), Trần Thanh Đạm (Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân)...

3. KẾT LUẬN

Bàn Môn là một làng giàu truyền thống lịch sử, văn hóa. Đặc biệt, ngôi làng này còn lưu giữ nhiều tư liệu Hán Nôm quý giá, giúp chúng ta giải đáp nhiều vấn đề về lịch sử. Từ những tư liệu Hán Nôm hiện tồn, chúng ta xác định được vào khoảng nửa sau thế kỷ XVI, làng Bàn Môn được hình thành với công lao “Bổn thổ Tiền Khai canh” của hai ngài Trần Đại lang và Hoàng Đại lang. Đầu thế kỷ XVIII, làng Bàn Môn có thêm hai họ Cao, Trương và nửa đầu thế kỷ XIX, làng Bàn Môn có sự mở rộng đất đai khi họ Lê và Lê Kim của làng Lê Xá sáp nhập vào.

Trong quá trình khai phá, lập làng, các lớp cư dân Bàn Môn đã khai phá được khá nhiều ruộng đất, trở thành một trong số những làng có nhiều ruộng đất ở Thừa Thiên Huế. Dựa vào đất đai trù phú bởi sông Truồi bồi đắp, người dân chăm lo phát triển sản xuất nông nghiệp. Vì nằm cạnh đầm Cầu Hai, gần cửa sông Truồi nên đất đai ven đầm phá dễ nhiễm mặn. Do đó, họ rất chú trọng đắp đập ngăn mặn, mà trong đó có công lao lớn của Dinh điền sứ Trần Đình Túc và Suất đội Lê Văn Dững. Cư dân Bàn Môn có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và thờ đa thần. Bên cạnh các vị phúc thần được thờ tự giống nhiều làng khác (Cao Các Quảng Độ thượng đẳng thần, Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi thượng đẳng thần, Kỳ Mùi Khoa Tiến Sĩ Phi Vận Tướng Quân Tùng Giang Văn Trung trung đẳng thần...), làng Bàn Môn còn thờ tự hai vị nhân thần Tham Tri sung Sư Bảo Hoàng Quý công (Hoàng Văn Diễn) và Hưng Bình giang đề Vệ nông Suất đội Lê phủ quân (Lê Văn Dững). Hai vị thần này vốn là con dân của làng, vì có công đối với làng mà được đưa vào thờ tự ở đình và dân làng thờ cúng. Bên cạnh đó, Bàn Môn là một cái nôi hiếu học của tỉnh Thừa Thiên Huế, sản sinh ra nhiều nhân vật có nhiều đóng góp cho đất nước.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này là kết quả của đề tài cấp cơ sở mã số: ĐHKH2024A-06. Nhân đây, xin được cảm ơn Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã tài trợ cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Văn An (2015). *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh hiệu đính - dịch chú, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. *Cao phái húy phổ* chép năm Duy Tân 3 (1909), lưu tại nhà thờ họ Cao, làng Bàn Môn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [3]. Nguyễn Đình Đầu (1997). *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Thừa Thiên*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. *Đệ Nhất chi mục lục* chép Bảo Đại 13 (1939), lưu tại nhà thờ họ Trương, làng Bàn Môn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [5]. *Gia phả họ Lê La Khê*, lưu tại nhà thờ họ Lê, làng Bàn Môn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [6]. *Phổ chi phái nhĩ họ Lê Kim*, lưu tại nhà thờ họ Lê Kim, làng Bàn Môn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [7]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2013). *Đại Nam liệt truyện*, Tập 3-4, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [9]. Trương Hữu Quýnh, Đỗ Bang (chủ biên) (1997). *Tình hình ruộng đất nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [10]. Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế, Thư viện Tổng hợp tỉnh (2023). *Hương ước các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [11]. *Trường biên điền thổ bốn tộc*, lưu tại nhà thờ họ Trương, làng Bàn Môn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

THE FORMATION AND DEVELOPMENT PROCESS OF BAN MON VILLAGE THROUGH HAN NOM MATERIALS

Mai Van Duoc^{1*}, Quan Ba Chinh²

¹ Faculty of History ,University of Sciences, Hue University

² School of Hospitality and Tourism, Hue University

*Email: maiduoc@husc.edu.vn

ABSTRACT

Ban Mon Village is a large settlement located along the Truoi River, in Loc An Commune, Phu Loc District, Thua Thien Hue Province. The village was established in the latter half of the 16th century, attributed to the pioneering efforts of Tran Dai Lang and Hoang Dai Lang, regarded as the "original cultivators of the land". Subsequently,, several families, including the Cao, Truong, Le, Le Kim, Tran Buc, Nguyen Buc and Bui settled in the area, playing a vital role in the village's development. Ban Mon Village has preserved many historical and cultural values, most notably over 3,700 pages of Han-Nom script archival materials, which are stored in the village communal house and among the various families. The study analyzes the formation and development process of Ban Mon village through the Han-Nom documents, mainly archival texts. Thereby, it contributes to clarifying a clearer understanding of the village's history and culture.

Keywords: formation, Ban Mon village, Han Nom documents.



Mai Văn Được sinh ngày 20/7/1993 tại Thừa Thiên Huế. Ông học cử nhân Lịch sử từ 2011 đến 2015 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2019, ông nhận học vị Thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2016 đến nay, ông công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, làng xã Việt Nam, dòng họ Việt Nam.



Quán Bá Chính sinh năm 1985 tại Thanh Hóa. Ông học cử nhân Lịch sử từ 2004 đến 2008 tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, ông nhận học vị Thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2008 đến nay, ông công tác tại Khoa Du lịch, Đại học Huế (nay là Trường Du lịch, Đại học Huế).

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn hóa - du lịch Việt Nam.